

Bản án số: 65/2021/HS-ST
Ngày 15 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cà Văn Đại và ông Lò Văn Khệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Lò Văn T, sinh năm 1967; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn N, (đã chết) và bà Lò Thị H, sinh 1928; vợ Tòng Thị T, sinh 1963 và 01 con, sinh năm 2008; tiền án: có 02 tiền án (ngày 23/5/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 7 năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 25/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”); tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 03/02/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T: bà Cầm Kim Loan là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 15 phút, ngày 02/02/2021 tại bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Tổ công tác Công an xã C làm nhiệm vụ kiểm tra đối với Lò Văn T. Khi bị kiểm tra Lò Văn T đã tự giác lấy trong túi quần bên phải đang mặc ra giao nộp 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa cục bột màu trắng, T khai nhận đó là ma túy

(Heroin). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người quả tang hồi 19 giờ 20 phút, thu giữ, niêm phong vật chứng dẫn giải về Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M để điều tra theo thẩm quyền.

Lò Văn T khai về nguồn gốc ma túy: ngày 30/01/2021 Lò Văn T đi bộ đến khu vực bãi ruộng thuộc bản P, xã C thì gặp 02 người (không biết tên, tuổi, địa chỉ) hỏi và mua được 01 gói ma túy với số tiền 1.150.000VNĐ, Thiến đã sử dụng một phần còn lại cất giữ mục đích để sử dụng thì bị bắt.

Ngày 03/02/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành mở niêm phong cân tịnh tách bì, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định tang vật thu giữ khi bắt quả tang Lò Văn T, như sau: Chất bột màu trắng trong gói nilon màu trắng có khối lượng là 0,66 gam, lấy 0,66 gam làm mẫu giám định ký hiệu T; còn lại 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng niêm phong lưu kho vật chứng theo quy định.

Ngày 04/02/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Kết luận giám định số 465, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu T là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,66 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,66 gam; loại Heroine. Hoàn lại chất bột màu trắng thuộc mẫu giám định ký hiệu T, không sử dụng đến trong quá trình giám định, có khối lượng 0,43 gam”.

Thực hiện điều tra, xác minh đối với 02 người bán trái phép chất ma túy cho Thiến nhưng không thu thập được tài liệu nào khác ngoài lời khai của Thiến.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-ML ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đó là do nghiện ma túy nên đã mua ma túy cất giữ, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 06 đến 07 năm tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy của Lò Văn T: 0,43 gam Heroine, ký hiệu T; 01 vỏ phong bì và 01 mảnh nilon màu trắng; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: đồng ý với nội dung cáo trạng và lời khai bị cáo đã trình bày; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, hiểu biết về đời sống xã hội và pháp luật rất hạn chế; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo hưởng mức thấp nhất theo đề nghị để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, xã hội;

đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn tiền án phí cho bị cáo, nội dung khác theo đề nghị.

Bị cáo bổ sung bào chữa, tranh luận: bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: hồi 19 giờ 15 phút, ngày 02/02/2021 bị cáo Thiên đi bộ đến bản P, xã C thì bị Tổ công tác Công an xã C làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện bắt quả tang Lò Văn T cất giữ trong túi quần bên phải đang mặc 01 gói nilon màu trắng bên trong có chứa bột màu trắng Thiên khai nhận đó là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 19 giờ 20 phút, thu giữ, niêm phong vật chứng. Tại kết luận giám định số 465, ngày 04/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: “Mẫu gửi giám định ký hiệu T là ma túy; loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,66 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 0,66 gam; loại Heroine”. Như vậy, Lò Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi cất giấu, cất giữ trái phép 0,66 gam Heroine là xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn T đã được cải tạo giáo dục nhiều lần: ngày 23/5/1998 bị TAND tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù, phạt tiền 20.000.000VNĐ về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” (Bản án số 71/HSST) bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương nhưng chưa thi hành xong phần tiền phạt (ngày 03/4/2017 bị cáo được xét miễn số tiền còn lại (Quyết định miễn số 04/QĐM THA), đến ngày 03/01/2011 bị cáo tiếp tục tái phạm và ngày 25/5/2011 bị TAND huyện Yên Châu áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194, điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 49/2011/HSST), ngày 03/7/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương đến ngày 02/02/2021 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm

tội; theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự thì bị cáo chưa được xoá án tích lại cố ý phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự “Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý” đã phạm tình tiết định khung tăng nặng tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: o) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo đã được Đảng và Nhà nước tuyên truyền, vận động, cấm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, bị cáo đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân nhiều lần (đã chấp hành án phạt tù) nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, vì nghiện ma túy bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi cất giấu, cất giữ trái phép 0,66 gam Heroine của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, không những làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sự phát triển về thể chất của con người, suy giảm khả năng lao động do nghiện ma túy và kinh tế của gia đình bị cáo mà còn ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân gây ra những loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo Thiên phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, khối lượng ma túy không lớn, mục đích tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, cần xem xét giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy (phiếu xét nghiệm dương tính (+) với ma túy), không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị

cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 03/02/2021 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với 02 người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu thập được tài liệu khác ngoài lời khai của Thiển nên không có cơ sở chứng minh, xử lý theo vụ án.

[9] Vật chứng của vụ án:

Cơ quan chức năng đã lấy mẫu giám định 0,23 gam Heroine, không hoàn lại mẫu giám định nên không có cơ sở xử lý.

Hiện đang lưu kho vật chứng: 0,43 gam Heroine, ký hiệu là T, thu giữ của Lò Văn T còn lại là vật cất tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu; 01 mảnh nilon màu trắng là vật dụng bị cáo sử dụng cất giữ trái phép chất ma túy, vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt: Bị cáo Lò Văn T 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (03/02/2021); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,43 (không phẩy bốn mươi ba) gam Heroine, ký hiệu là T; 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu và 01 mảnh nilon màu trắng của Lò Văn T.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/5/2021 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h. Mường La (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

